

ban chỉ huy quân sự thống nhất đã được thành lập, bộ máy quân sự và bộ máy công an được kiện toàn và củng cố, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng cơ động và chiến đấu tại chỗ đi vào luyện tập theo chương trình quy định.

Phong trào đăng ký nhập ngũ khá sôi nổi. Từ thanh niên nông thôn đến cơ quan, có cả các em học sinh chưa đến tuổi cũng xung phong lên đường nhập ngũ đánh giặc cứu nước. Có những lá đơn xin nhập ngũ viết bằng máu của mình xin được ra mặt trận quyết chiến với kẻ thù.

Các đợt tuyển quân năm 1978 và đầu năm 1979 được huy động với số lượng cao, Đảng bộ huyện và nhân dân đã hoàn thành vượt mức từ 101 đến 109%, chỉ riêng hơn 1 tháng đầu năm 1979 đã huy động được 2 tiểu đoàn chi viện cho tiền tuyến, trong đó có hàng trăm cán bộ, đảng viên xung phong lên đường chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc. Nhiều xã vượt chỉ tiêu được giao như: Mỹ Thọ, Mỹ Thắng, Mỹ Trung, Mỹ Hưng, Mỹ Thành, Mỹ Tiến. Một số nơi trước đây phong trào tuyển quân gặp khó khăn thì đến năm 1979 có bước chuyển biến như Bình Nghĩa, Tràng An, Tiêu Động.

Công tác vận động đi xây dựng vùng kinh tế mới có nhiều cố gắng, chỉ tính 6 tháng đầu năm 1979 các xã Đình Xá, Bình Nghĩa, Tràng An, Đồng Du, Mỹ Hà có 181 hộ, 963 khẩu và 440 lao động đi xây dựng vùng kinh tế ở các tỉnh phía Nam và 275 lao động đi xây dựng và bảo vệ vùng biên giới phía Bắc.

Chính sách hậu phương quân đội có sự chuyển biến. Cuộc vận động trong thương binh, gia đình liệt sĩ phấn đấu trở thành người công dân kiểu mẫu và gia đình cách mạng gương mẫu được triển khai rộng khắp, nhiều thương binh, gia đình liệt sĩ được công nhận danh hiệu công dân kiểu mẫu và gia đình cách mạng gương mẫu. Con em gia đình thương binh, liệt sĩ được quan tâm chăm sóc, giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho các em vui chơi, học tập đạt kết quả ngày càng tốt hơn.

Công tác an ninh chính trị và trật tự xã hội được ổn định và giữ vững. Mạng lưới công an và tổ chức an ninh nhân dân được củng cố và thành lập rộng rãi ở nhiều nơi, tạo ra mạng lưới bảo vệ, phát hiện, đấu tranh với mọi biểu hiện tiêu cực trong xã hội, trấn áp kịp thời những âm mưu hoạt động gây rối phá hoại của kẻ địch. Dựa vào quần chúng để đấu tranh, giáo dục hoặc bắt tập trung cải tạo những phần tử lưu manh chuyên nghiệp và những tên tội phạm để từng bước làm trong sạch địa bàn.

Những năm 1976-1980, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, kẻ thù tìm mọi cách phá hoại ta về nhiều mặt, những hiện tượng tiêu cực xã hội tác động trực tiếp đến suy nghĩ, hành động của đội ngũ đảng viên.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương và sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh, Đảng bộ huyện Bình Lục đã tiếp tục phát huy truyền thống đoàn



**Thanh niên huyện Bình Lục nô nức lên đường nhập ngũ  
xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.**

kết, nắm vững quan điểm đường lối của Đảng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ và từng bước củng cố tăng cường nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ.

Công tác xây dựng Đảng đã được chú ý trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thông qua các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Bình Lục đã quán triệt đến từng đảng viên.

Việc thực hiện Chỉ thị 72 CT/TW được triển khai sâu rộng, những mặt tích cực đã được phát huy, những khuyết điểm, nhược điểm đã được đấu tranh phê phán và có biện pháp sửa chữa. Mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng được chặt chẽ hơn. Uy tín của Đảng được củng cố. Thông qua củng cố bộ máy và công tác cán bộ phong trào có bước chuyển biến. Những tổ chức cơ sở đảng khá vẫn phát huy tác dụng thúc đẩy phong trào đi lên như Đảng bộ Mỹ Thọ, Mỹ Thắng, An Đổ và chi bộ Lương thực, Ngân hàng, v.v... Những cơ sở yếu kém từng bước có chuyển biến như Đảng bộ Tràng An, Ngọc Lũ, chi bộ thực phẩm, cơ khí Tiến Thành.

Cũng do yêu cầu tổ chức lại sản xuất, nhiều chi bộ ghép được tách ra thành chi bộ chuyên ngành, chuyên nghề đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị. Chế độ và nội dung sinh hoạt đã đi dần vào nền nếp và có chiều sâu.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị các tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỏ ra vững

vàng về chính trị, nhất trí về tư tưởng, nguyên tắc, thực hiện các đường lối chính sách của Đảng trong những lúc khó khăn gay gắt biểu hiện quyết tâm cao với ý thức tự lực, tự cường chịu trách nhiệm trước đời sống nhân dân (vượt qua vụ đói năm 1980). Động viên lực lượng đáp ứng yêu cầu chiến đấu bảo vệ biên giới phía bắc Tổ quốc và xây dựng quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trên cơ sở tiến hành các chủ trương về xây dựng Đảng, thực hiện công tác phát triển đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng được củng cố và kiện toàn một bước, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên được nâng lên.

Công tác tuyên huấn, kiểm tra, tổ chức được tăng cường. Số đảng viên được công nhận đủ tư cách từ 75% lên 90%, trong đó 21% thể hiện sức vươn lên tốt; đưa ra khỏi đảng 4,6%, kết nạp mới 3,3%, đơn vị cơ sở yếu kém từ 20,6% giảm xuống 17,8%.

Phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc của các cấp uỷ Đảng đã dần theo hướng xây dựng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý, cấp huyện gắn bó với cơ sở hơn trước, hiểu và sử dụng đội ngũ cán bộ tốt hơn, nhất là về công tác kinh tế và công tác xây dựng Đảng, cấp uỷ các cấp có thêm kinh nghiệm về công tác cán bộ, công tác quản lý đảng viên và từng bước phấn đấu xây dựng Đảng bộ vững mạnh trong sạch.

Quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980, Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục đã phấn đấu không ngừng,

vượt qua mọi gian khổ về thiên tai địch họa, nhất là chiến tranh biên giới với sự bao vây phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, khắc phục những yếu kém để tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương, góp phần vào nhiệm vụ chung của cả nước.

## **2. Lãnh đạo phát triển sản xuất, thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, ổn định đời sống nhân dân (1981-1986)**

Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1981-1985 và những năm 1980, Đại hội V của Đảng chỉ rõ: “cần tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý”<sup>(1)</sup>.

Với một huyện có nhiều tiềm năng sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và hàng xuất khẩu, trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với phương châm “phương tiện vật tư bằng hoặc ít hơn trước phải sản xuất tốt hơn, làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội”. Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, bốn mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã xác định.

---

(1). Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự Thật, Hà Nội 1982, tập 1.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ hai, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bình Lục lần thứ 19 (tháng 12-1982) đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung năm 1983-1985 là: “Tăng cường đoàn kết, thống nhất ý chí, thống nhất hành động, phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao ý thức tự lực, tự cường chủ động sáng tạo, tập trung sức của cả huyện với cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng đất đai, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, động viên mọi lực lượng dồn sức đưa nông nghiệp tiến lên một bước mới toàn diện trọng tâm là lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cây công nghiệp, hàng xuất khẩu. Giải quyết vấn đề ăn và một phần mặc của nhân dân, hoàn thành mọi chỉ tiêu nghĩa vụ với Nhà nước, tăng thêm tích luỹ cho hợp tác xã; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội và làm tốt công tác quốc phòng toàn dân, từng bước xây dựng huyện thành một cấp kế hoạch có ngân sách, kinh tế, văn hoá phát triển, Đảng bộ trong sạch vững mạnh”. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Xuân Chung làm Bí thư Huyện uỷ .

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Tỉnh uỷ có Nghị quyết số 12, ngày 21-1-1981 về công tác khoán, và Đảng bộ huyện cũng đề ra Nghị quyết số 44 nhằm quán

triệt và vận dụng khoán sản phẩm vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Chỉ thị của Trung ương và Nghị quyết của Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh được thảo luận quán triệt trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và Bí thư Đảng bộ cơ sở; giải quyết những băn khoăn của cán bộ cho rằng làm khoán là phá vỡ quan hệ sản xuất, là một bước thụt lùi hoặc một bước thụt lùi trong tình hình hiện nay. Ở những hợp tác xã tiên tiến như Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, An Đổ, Mỹ Hà, An Mỹ... khi thực hiện còn do dự; trái lại những hợp tác xã vốn có khó khăn trong sản xuất như Mỹ Thành, An Nội, Mỹ Thịnh, Trịnh Xá thì nhảy bèn, coi đây là cách tháo gỡ thế bí.

Để thực hiện Chỉ thị 100 trong vụ chiêm năm 1981, Đảng bộ huyện chỉ đạo làm thử ở một số hợp tác xã, sau đó tiến dần lên giao khoán từ 10%-15%-50% diện tích và đến cuối vụ thì cơ bản giao hết diện tích cây lúa cho người lao động; riêng hai hợp tác xã Mỹ Thọ, Mỹ Thắng vẫn thực hiện ba khoán cho đội sản xuất có cải tiến mới.

Từ vụ mùa 1981 trở đi, toàn huyện có 50 hợp tác xã thì 48 hợp tác xã thực hiện khoán theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trong thời gian này, các hợp tác xã được điều chỉnh lại quy mô, từ 29 hợp tác xã toàn xã chia thành 50 hợp tác xã (trong đó có 11 hợp tác xã toàn xã, Mỹ Hà, Mỹ Trung, Mỹ Phúc, Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, An Đổ, An Ninh, La Sơn, Ngọc Lũ, Trịnh Xá).



Năm 1981-1982, qua ba vụ khoán sản phẩm lúa ở Bình Lục, Đảng bộ huyện đã nhận rõ: từ lâu, do nhược điểm trong công tác tổ chức quản lý, tình trạng đi muộn về sớm, chất lượng và năng suất lao động không cao, giá trị thực tế ngày công lao động thấp, có nơi quá thấp, thu nhập từ hợp tác xã đối với xã viên trên dưới 40% sản phẩm lao động. Vì vậy, thực hiện khoán sản phẩm, kết quả thâm canh cây lúa khá rõ (cấy dầy kịp thời vụ, độ đồng đều khá lên), mọi người tự giác đầu tư thêm công lao động vào ruộng đất nhận khoán, tận dụng được mọi khả năng lao động (người già, trẻ em có việc thích hợp), nâng cao cường độ lao động và chất lượng lao động. Người nhận khoán còn tự nguyện đầu tư thêm phân bón cho sản xuất để vượt sản lượng khoán. Vụ mùa năm 1981 có 86% diện tích được cấy trong thời vụ tốt nhất. Xã An Nội, Mỹ Thành đã tận dụng lao động, cấy nhanh gọn. Qua kiểm tra ở 28 hợp tác xã với 19.768 hộ nhận khoán, có 12.284 hộ vượt khoán (62%).

Nghĩa vụ lương thực với Nhà nước được các hợp tác xã hoàn thành tốt hơn. Năm 1981 là 8.000 tấn thóc được nhập kho, mua ngoài nghĩa vụ trên 2.000 tấn. Trong các năm 1976-1980, Bình Lục đóng góp 9.000 tấn thì năm 1981 đạt 12.236 tấn.

Trong quá trình thực hiện đã xuất hiện tình trạng định sản lượng khoán thấp; việc cung ứng vật tư còn chậm; hợp tác xã không điều hành được sức kéo, giống; tình trạng kê đọng sản phẩm còn nhiều...

Từ những khó khăn trên, Đảng bộ huyện đã rút ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình trạng đó và đề ra những biện pháp khắc phục. Nhờ sự chỉ đạo chủ động của Đảng bộ huyện, kết hợp liên tục phát động phong trào thi đua thâm canh (khắc phục tình trạng năng suất quá thấp) nên các năm đều đạt kết quả khá về sản xuất lương thực. Tổng sản lượng lương thực bình quân năm 1981-1985 là 55.701 tấn so với bình quân năm 1976-1980 tăng 7,9% (riêng lúa tăng 9,3%). Cùng với sản xuất lúa, Đảng bộ huyện đã chú trọng chỉ đạo việc trồng cây công nghiệp: mía, bình quân năm 1981-1985 bằng 11.135 tấn; đay đạt 120 tấn, lạc 140 tấn/năm là năm có sản lượng lớn nhất kể từ 1976 đến 1984.

Về chăn nuôi, tổng đàn trâu bò bình quân đến năm 1983-1985 có 5.795 con. Nhưng đàn trâu của tập thể thì giảm sút nghiêm trọng nên khâu làm đất bằng trâu bò chỉ đạt 55% diện tích; tình trạng dùng sức người cuốc tay còn phổ biến trong các hợp tác xã nông nghiệp. Tổng đàn lợn bình quân có 44.834 con.

Đến năm 1986, tình hình sản xuất nông nghiệp đã có bước phát triển, 100% diện tích canh tác đã cơ bản chủ động trong tưới tiêu. Năng suất lúa bình quân đạt 55 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 343 kg/năm. Toàn huyện đã cơ bản khắc phục nạn thiếu đói khi giáp hạt, phần lớn nhân dân đã ổn định cuộc sống, một bộ phận đã có những cải thiện, phát triển khá.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương gặp nhiều khó khăn do vật tư, nguyên liệu thiếu. Trong tình hình đó, Đảng bộ huyện đã tập trung vào việc củng cố tổ chức, mở rộng thị trường, tìm nhiều nguồn vốn và phát triển nhiều mặt hàng. Từ năm 1980 đến năm 1986, để khắc phục kịp thời những khó khăn về nguyên liệu, về vốn, các đơn vị trong toàn huyện đã tích cực cải tiến mặt hàng, mạnh dạn đầu tư trang, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, chủ động khai thác, liên doanh liên kết. Nhờ vậy mà sản xuất vẫn ổn định, giữ vững và từng bước phát triển. Thủ công nghiệp xuất khẩu phát triển mạnh mặt hàng thủ công mỹ nghệ. Giá trị tổng sản lượng bình quân các năm 1981-1985 là 66.635.000 đồng so với năm 1976-1980 tăng 0,43% chiếm 17,15% trong tổng giá trị sản lượng nông, công nghiệp của huyện. Năm 1981 đến 1986 bình quân tăng 12,8% so với chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là mặt hàng mỹ nghệ xuất khẩu, bình quân năm 1984-1985 tăng 2,28 lần. Tại các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, tiêu biểu là xí nghiệp máy kéo, Bình Nghĩa, Mỹ Thắng, Ngọc Lũ, An Đổ. Một số cơ sở yếu kém được khôi phục, số cơ sở khá vẫn giữ vững và đi lên.

Về công tác tài chính ngân hàng, thương nghiệp có nhiều cố gắng trong việc phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống. Thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán được củng cố thêm một bước về tổ chức và nâng cao ý

thức phục vụ, khối lượng hàng hoá và doanh số kinh doanh tăng (bình quân từ 135 triệu lên 163 triệu/năm).

Việc thu mua lương thực, thực phẩm, nông sản có chuyển biến. Tổ chức khai thác và cung ứng vật tư cho sản xuất bước đầu được cải tiến theo hướng phục vụ trực tiếp ngày càng tốt hơn.

Công tác quản lý thị trường giá cả đã từng bước đi vào hoạt động có tổ chức chặt chẽ và quản lý tận gốc một số mặt hàng chủ yếu.

Tài chính tiền tệ, tín dụng có nhiều cố gắng khơi tăng nguồn thu, mạnh dạn đầu tư cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh đúng hướng phát huy hiệu quả kinh tế nhằm xây dựng huyện thành một cấp ngân sách, làm giảm dần sự mất cân đối của ngân sách cấp huyện.

Xuất khẩu có bước phát triển khá, nhất là 2 năm 1984-1985 tổng giá trị bình quân 18.428.000 đồng, gấp 2,28 lần so với năm 1982.

Từ năm 1983 đến năm 1985, bình quân mỗi năm huy động cho Nhà nước (bao gồm cả trao đổi hàng và thu mua) 11.587 tấn thóc, tăng 26,2% so với năm 1976-1980; thực phẩm bình quân 598 tấn/năm; mía giao nộp 4.667 tấn/năm.

Toàn huyện đã soát xét bổ sung quy hoạch tổng thể, quy hoạch huyện lỵ và quy hoạch xây dựng khu trung tâm cho 13 xã. Tổng số vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản và thuỷ lợi từ năm 1983 đến năm 1985 là 17,66 triệu đồng

tăng 76% so với năm 1981-1982 (trong đó 81,14% là vốn tự có) chưa kể sự đóng góp của nhân dân là 11 triệu đồng. Trong số này đã đầu tư vào phục vụ sản xuất 66%, văn hoá xã hội 28,2%. Riêng tổng công suất điện lực phục vụ sản xuất tăng lên cả về số lượng máy biến thế, đường dây và sức động cơ.

Công tác giao thông vận tải được củng cố về tổ chức, nâng cao năng lực vận tải, mua sắm thêm phương tiện đáp ứng yêu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất và đời sống. Công tác duy tu bảo dưỡng các tuyến đường trong huyện và giao thông nông thôn tuy có nhiều khó khăn về vốn nhưng vẫn cố gắng hoàn thành kế hoạch. Hoạt động của bưu điện cơ bản đảm bảo yêu cầu thông tin, chỉ đạo thông suốt, đặc biệt là trong chỉ huy chống lụt bão năm 1985.

Sự nghiệp giáo dục vẫn được duy trì và nâng cao chất lượng; các hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông bước đầu có ý thức và hình thức phù hợp; việc phổ cập văn hoá phổ thông trung học cho cán bộ và thanh niên theo các trường ở từng miền được thực hiện. Cơ sở vật chất cho nhà trường được quan tâm hơn. Đội ngũ thầy cô giáo được bồi dưỡng nâng cao trình độ bằng những hình thức phù hợp. Các hoạt động năng khiếu được chăm lo và có chiều hướng phát triển.

Công tác y tế tiếp tục nâng cao chất lượng theo hướng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu từ cơ sở. Việc bồi dưỡng đạo đức phẩm chất với chăm lo xây dựng đội ngũ thầy

thuốc được coi trọng. Các chương trình viện trợ quốc tế được tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả. Việc tổ chức sản xuất, khai thác chế biến và xuất khẩu được liệu đạt kết quả khá.

Các hoạt động văn hoá, thông tin, truyền thanh, thư viện, thể dục thể thao có nhiều cố gắng, phong trào văn nghệ ở cơ sở khá hơn trước.

Việc tổ chức đưa một bộ phận nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới được chú trọng hơn. Ba năm 1981-1983 đã đưa đi 574 hộ gồm 4.723 nhân khẩu, có 3.725 lao động (trong đó có 64 đảng viên). Số lao động đi kinh tế mới nói chung ổn định sản xuất và đời sống, có nhiều hộ khá giả.

Công tác thương binh liệt sỹ, chấp hành chính sách hậu phương quân đội và những người nghỉ hưu, mất sức được chỉ đạo chặt chẽ và bảo đảm thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước.

Công tác quân sự và an ninh có nhiều hoạt động tích cực và có những nhân tố mới xuất hiện. Tổ chức xây dựng huấn luyện và huy động tập trung đến cỡ trung đoàn có kết quả tốt, một số xã có từ 1 đến 2 đại đội dự bị động viên và an ninh ở cơ sở. Trong việc gọi thanh niên nhập ngũ, năm nào cũng hoàn thành và hoàn thành tốt (bình quân 1% dân số mỗi năm). Tính đến tháng 10-1986 lực lượng dân quân tự vệ bằng 13% dân số, quy mô tổ chức biên chế gọn nhẹ, thích hợp. Lực lượng dự bị động viên đã xây dựng gần 3% dân số, gồm 4.446 người, trong đó có 225 sĩ quan, 4.221 hạ

sĩ quan, binh sĩ được tổ chức biên chế chặt chẽ, từng bước kiện toàn nâng cao chất lượng.

Công tác an ninh chính trị được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được coi trọng. Việc khám phá và xử lý các vụ án tương đối kịp thời. Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho quần chúng và xây dựng làng xã an toàn bước đầu có chuyển biến ở một số nơi. Công tác thanh tra nhân dân được chú trọng cả về tổ chức và năng lực nghiệp vụ góp phần tích cực vào công tác quản lý kinh tế chấp hành chính sách ở địa phương.

Lực lượng vũ trang huyện Bình Lục dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ đã nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phát huy vai trò xung kích, nòng cốt trong lao động sản xuất, phòng chống bão lụt cùng nhân dân toàn huyện phấn đấu thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ 2 và lần thứ 3 thắng lợi. Từ năm 1976 đến năm 1986 toàn huyện đã hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, đưa tiễn 15.764 con em lên đường nhập ngũ.

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, tính đến 1986 đã có gần 70% số hộ nhân dân trong huyện có con em đi bộ đội. Trên 8.000 gia đình có từ 1 đến 4 quân nhân, có 4.347 liệt sỹ trong 3.557 gia đình, có 1.382 thương binh và 1.577 bệnh binh các loại; có trên 1 vạn quân nhân đã nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ trở về quê hương.

Hàng năm huyện đã điều hoà từ 280 đến 350 tấn lương thực cho các gia đình chính sách ở những thời điểm giáp hạt, đã trợ cấp hàng trăm tấn gạo và hàng chục triệu đồng cho những đối tượng chính sách thiếu đói, giúp 346 gia đình sửa chữa nhà ở; 98 gia đình làm nhà mới, tặng 8 nhà tình nghĩa. Đã ưu tiên tuyển dụng vào cơ quan, xí nghiệp 412 con liệt sỹ, thương binh và 121 thương, bệnh binh; tuyển sinh 138 con liệt sỹ đi học trong và ngoài nước; tạo công việc làm phù hợp cho 2.182 vợ liệt sỹ, thương binh, bố trí công tác địa phương cho 1.407 quân nhân đã nghỉ chế độ. Công tác qui tập mộ liệt sỹ và tu sửa nghĩa trang được chú trọng và đầu tư thích đáng. Tháng 7-1984, đoàn đại biểu Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lên thăm và tặng quà cán bộ, chiến sỹ đang làm nhiệm vụ ở Vị Xuyên (Hà Giang). Tổng kết đợt sinh hoạt “Gia đình cách mạng gương mẫu”, “Người công dân kiêu mẫu”, toàn huyện có 2.656 gia đình liệt sỹ và 1.515 thương, bệnh binh đã đạt những danh hiệu vẻ vang đó.

Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh. Tổng số đảng viên đến 31-6-1986 là 6.609 người (nông thôn có 5.863 người; cơ quan xí nghiệp có 746 người). Qua phân loại (sau Chỉ thị 79) có 58,5% loại I; 27,5% loại II; 13,08% loại III và 0,7% loại IV. Từ năm 1983-1985 đã kết nạp được 144 đảng viên mới và đã xử lý kỷ luật 244 trường hợp (trong đó đưa ra khỏi đảng 136 người). Tổ chức cơ sở Đảng được công nhận vững mạnh tăng hơn năm 1984 - 1985 có 47% tổ chức cơ sở vững mạnh trong đó có 16%



được tăng cở so với năm 1982 tăng 33% tổng số cơ sở. Một số cơ sở được tăng cở vững mạnh từ 1980-1981 đến 1986 vẫn phát huy tác dụng tích cực như Mỹ Thành, Mỹ Thắng; số tổ chức cơ sở yếu kém được khắc phục.

Chuyển biến rõ nhất trong công tác xây dựng Đảng những năm qua là đưa công tác kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và công tác lãnh đạo vào nề nếp và tích cực giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố giác cán bộ đảng viên.

Công tác tổ chức cán bộ có bước chuyển biến tích cực trong việc xây dựng quy hoạch đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ và thực hiện chính sách. Năm 1983-1985 đã đưa đi đào tạo bồi dưỡng 149 cán bộ. Sắp xếp và bố trí những cán bộ có năng lực, có sức khoẻ vào các nhiệm vụ chủ chốt huyện và cơ sở. Thực hiện đúng đắn chính sách tiền lương, chế độ nghỉ hưu, chế độ đi cơ sở với cán bộ, hoàn thành cơ bản việc xét khen thưởng tổng kết chống Mỹ, cứu nước cho cán bộ trong huyện (bao gồm cả thương binh, liệt sỹ và người về hưu mất sức).

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã có nhiều cố gắng trong việc giáo dục, vận động, tổ chức quần chúng tích cực thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bộ máy chính quyền cấp xã tiếp tục được củng cố. Phương thức hoạt động và lề lối làm việc bước đầu được cải tiến. Việc phân công quản lý cho huyện bước đầu đã

tạo ra tính chủ động tự lực của cấp huyện trong việc quản lý kinh tế- xã hội, quản lý Nhà nước và tổ chức đời sống nhân dân.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể còn bộc lộ một số thiếu sót như: công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được thường xuyên, tính chiến đấu trong công tác tư tưởng chưa cao, một số đảng viên chậm đổi mới tư duy nên hiểu biết về chính sách còn chưa nhạy bén, chậm nắm bắt những vấn đề mới, một số đồng chí ý thức cách mạng và tư tưởng tiến công giảm sút, vai trò tiên phong gương mẫu còn thấp.

Chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng bộ máy chính quyền và đoàn thể quần chúng, do đó chưa thực sự quy tụ được các ngành tập trung vào mũi nhọn và các mục tiêu cụ thể.

Thời kỳ này tình hình kinh tế - xã hội trong cả nước còn nhiều khó khăn, những điều kiện vật chất kỹ thuật để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở Bình Lục cũng chưa có những thay đổi căn bản, khó khăn của vùng đồng chiêm trũng vẫn còn nhiều: cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp đang là động lực nhưng năng lực tự chủ sản xuất của nông dân có hạn, chưa thể tạo ra một năng suất mới cao hơn. Thực trạng đời sống kinh tế - xã hội là bối cảnh chung của toàn huyện và cả nước đòi hỏi phải chuyển hướng cả về nhận thức và hành động.

Quán triệt tinh thần và nội dung báo cáo (dự thảo) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình Đại hội lần thứ VI và dự thảo Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bình Lục lần thứ 20 được tổ chức từ ngày 18 đến ngày 21-9-1986, có 219 đại biểu thay mặt cho toàn thể đảng viên trong huyện về dự. Trên cơ sở phân tích tình hình đặc điểm cụ thể của huyện, Đại hội nêu phương hướng chung trong 3 năm (1986-1988) là: “Tăng cường đoàn kết thống nhất ý chí hành động cách mạng tạo ra một sự chuyển biến mạnh mẽ, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện, phá thế độc canh cây lúa và thực hiện thâm canh đồng đều; cải tiến quản lý sắp xếp lại sản xuất và tăng nhanh hàng xuất khẩu, tăng nhanh nguồn tích lũy, làm tốt công tác quốc phòng giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, hoàn thành tốt việc đóng góp với nhà nước, ổn định phân phối lưu thông và cải thiện một bước đời sống quần chúng, phấn đấu trở thành Đảng bộ huyện vững mạnh”. Đại hội đã bầu đồng chí Đỗ Mạnh Trụ làm Bí thư Huyện uỷ.

Trong mười năm 1976 - 1986, Đảng bộ huyện Bình Lục đã lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đạt nhiều thành tích to lớn. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền đoàn thể, ngày càng được củng cố vững mạnh, nâng cao được năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Quê hương đồng chiêm trũng liên tục có nhiều thay đổi trong

thế đi lên, đời sống nhân dân về cơ bản đã tạm đủ chi dùng. Huyện Bình Lục đã hoàn thành xuất sắc mọi chỉ tiêu đóng góp với Nhà nước, bảo đảm đúng đủ, kịp thời cho nhiệm vụ quân sự địa phương. Những cơ sở vật chất bước đầu đã xây dựng vừa phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, vừa tạo dựng thế trận chiến tranh nhân dân địa phương. Lực lượng vũ trang phát triển rộng khắp đã và đang phát huy mạnh mẽ cả sẵn sàng chiến đấu và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần cùng cả nước đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá cách mạng nước ta.

## Chương IX

### LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ KINH TẾ- XÃ HỘI (1986-1995)

#### 1. Đảng bộ lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, tập trung phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân (1986-1990)

Ngày 15-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội diễn ra trong bối cảnh: Trên thế giới xu thế đối đầu đang bị thay dần bởi xu thế đối thoại. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, tiến bộ xã hội đang dâng cao. Năm 1986, Đảng Cộng sản Liên Xô và các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa anh em đều tiến hành đại hội, đề ra đường lối cải tổ, cải cách nhằm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đi lên. Ở trong nước, tình hình kinh tế- xã hội đã khó khăn lại càng khó khăn hơn do sai lầm trong quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) về giá, lương, tiền. Lạm phát lên tới 774,7%. Trước tình hình đó yêu cầu đối với Đại hội lần thứ VI của Đảng là phải xác định được đường lối đúng đắn, đưa ra được các chính sách và biện pháp để ổn định tình hình, nhằm đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.

Căn cứ vào tình hình kinh tế- xã hội của đất nước, Đại hội xác định nhiệm vụ của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định về mọi mặt tình hình kinh tế- xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo và những mục tiêu cụ thể. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất; tạo ra sự chuyển biến tốt về mặt xã hội; đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng an ninh.

Đối với lĩnh vực kinh tế, phương hướng những năm 1986-1990 là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư (trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn- lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu); xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, cần cải cách bộ máy của các cơ quan Nhà nước, đổi mới hoạt động của các tổ chức quần chúng. Tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phải đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là một sự kiện quan trọng, đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện mọi lĩnh vực đời

sống của đất nước, tạo bước ngoặt căn bản cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Bình Lục nhanh chóng triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Từ những quyết sách lớn được đề ra của Trung ương Đảng, Huyện uỷ đã vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, phát huy tiềm năng thế mạnh của huyện. Huyện uỷ lên kế hoạch, phân công, phân nhiệm rõ ràng, triển khai quán triệt Nghị quyết của Đảng từ trong cán bộ, đảng viên đến quần chúng.

Thực hiện sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ huyện Bình Lục đứng trước không ít những khó khăn gay gắt; nền kinh tế trì trệ, cách nghĩ, cách làm của thời kỳ quan liêu bao cấp để lại. Song, bên cạnh đó có rất nhiều thuận lợi góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển. Các nghị quyết của Đảng, chính sách quản lý của Nhà nước đã từng bước tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất và lưu thông, sự chuyển biến cả về tư tưởng và tổ chức trong Đảng theo tư duy mới. Đảng bộ đã triệt để tận dụng và khai thác những thuận lợi, đoàn kết nhất trí khắc phục khó khăn, chủ động sáng tạo, phấn đấu giành thắng lợi trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 20 đề ra, đặc biệt là những mục

tiêu kinh tế- xã hội thuộc 3 chương trình kinh tế- xã hội lớn của Đảng.

Thực hiện *Chương trình lương thực-thực phẩm*, nhận rõ huyện nhà là một huyện thuần nông, Đảng bộ đã tập trung mọi sức lực, vật tư, tiền vốn, chỉ đạo công tác thủy lợi, thâm canh mở rộng diện tích vụ đông, đặc biệt là ngô đông, tăng nhanh sản lượng lương thực, hoàn thành chỉ tiêu đề ra. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 63.635 tấn. Bình quân hai năm 1987-1988 đạt 60.000 tấn/năm, đạt mục tiêu Đại hội đề ra và tăng 7,7% so với bình quân 5 năm 1981-1985. Đặc biệt sản lượng lương thực vụ đông tăng 77% so với thời kỳ 1981-1985. Sản lượng lương thực sản xuất bình quân đầu người 360 kg/năm, đạt mục tiêu Đại hội.

Ngành chăn nuôi được khôi phục và phát triển, đặc biệt đàn trâu bò cày kéo phát triển với tốc độ nhanh. Bình quân đàn trâu bò cày kéo và sinh sản tăng 10% so với thời kỳ 1981-1985. Sản lượng thịt lợn hơi tăng 35%.

Từ kết quả sản xuất lương thực, thực phẩm, huyện đã hoàn thành chỉ tiêu huy động lương thực với Nhà nước và chỉ tiêu Đại hội đề ra. Bình quân huy động lương thực hai năm 1987-1988 là 12.300 tấn/năm, bằng 112,5% năm 1986 và bằng 102,5% chỉ tiêu Đại hội. Đồng thời đảm bảo mức ăn bình quân xã hội cho nhân dân trong huyện đạt 17,5 kg/người/tháng (chỉ tiêu Đại hội đề ra từ 15-17kg).

Để thực hiện thắng lợi Chương trình lương thực, thực phẩm, công tác thủy lợi được xác định là biện pháp quan



trọng hàng đầu, Huyện uỷ Bình Lục đã ra Nghị quyết về công tác thủy lợi, là 1 trong 8 chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 20. Phát động phong trào làm thủy lợi nhằm giải phóng một phần diện tích đang còn cấy một vụ và chủ động thâm canh 12.000 ha canh tác toàn huyện. Để đảm bảo việc chủ động tưới tiêu nước phục vụ sản xuất, huyện chỉ đạo củng cố hệ thống kênh mương, bờ vùng, bờ thửa. Mở rộng hệ thống lấy nước tự chảy vào những vùng thấp. Duy trì, cải tiến, nâng cao một số trạm bơm cũ, xây dựng một số trạm bơm mới. Kết quả trong 2 năm 1986-1987, toàn huyện tôn cao 18 km đường, cải tạo 6 trạm bơm gồm 14 máy 2.300m<sup>3</sup>/h, sửa chữa 12 trạm bơm 1.000m<sup>3</sup>/h, xây mới 1 trạm bơm 10.000m<sup>3</sup>/h (cống Ruông-Hoà Bình) và 2 trạm 4 máy 1.000m<sup>3</sup>/h (Ngọc Lũ, Bồ Đề). Nạo vét sửa chữa 641 kênh mương cấp 2 và 4. Tu bổ khép kín 374 bờ vùng. Làm mới 51 cầu cống các loại, xây đúc 892,82 m<sup>3</sup> bê tông, đào đắp 1.135.000 m<sup>3</sup> đất... Tổng kinh phí đầu tư cho công tác thủy lợi hai năm là 31.018.827 đồng, trong đó Nhà nước 10.531.967 đồng, nhân dân 20.416.860 đồng. Tổng ngày công huy động là 1,02 triệu công.

*Chương trình sản xuất công nghiệp - hàng tiêu dùng* được củng cố giữ vững có mặt phát triển, thêm mặt hàng mới, sản phẩm mới phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Thực hiện Quyết định 217, Chỉ thị 118/HĐBT; các Nghị định 27, 28, 29, 50 của Hội đồng Bộ trưởng về phát huy quyền tự chủ của các xí nghiệp, giải phóng mọi năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, hai năm 1987-1988,

Đảng bộ đề ra nhiều biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn về nguyên liệu, tiền vốn, lương thực, thị trường, ổn định, giữ vững sản xuất, giá trị sản lượng công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp bình quân đạt 70,6 triệu đồng/năm, tăng 0,6 triệu so với mục tiêu Đại hội đề ra. Riêng năm 1988, tổng giá trị sản lượng đạt 75,9 triệu đồng tăng 3,2% kế hoạch, tăng 13,9% so với năm 1987. Các đơn vị kinh tế quốc doanh đã chủ động chuyển sang cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện xóa bỏ bao cấp, tìm đủ việc làm cho công nhân, giải quyết đời sống cán bộ công nhân viên xí nghiệp, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách. Các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh được củng cố, hình thành một số đơn vị sản xuất, hộ sản xuất tiêu thủ công nghiệp, phát triển các mặt hàng mới như: khăn mặt, guồng tuốt lúa; sản xuất vật liệu xây dựng; khôi phục mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu có giá trị như nón làng Cói; vải điện nâu An Đổ. Nhiều đơn vị tiến hành tổ chức lại sản xuất, cải tiến công tác quản lý, chủ động giải quyết lao động, khắc phục tình trạng thiếu vốn lưu động bằng nhiều biện pháp góp phần đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ. Chương trình sản xuất công nghiệp và hàng tiêu dùng đã đáp ứng 80% nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương.

*Chương trình hàng xuất khẩu* đạt chỉ tiêu Đại hội cả về sản phẩm và hiệu quả, nhất là xuất khẩu dược liệu và hàng thủ công mỹ nghệ. Năm 1987 Đảng bộ chỉ đạo các ngành tổ chức sản xuất thu mua hàng xuất khẩu đa dạng. Mở rộng diện tích trồng cây có sản phẩm xuất khẩu như: khoai tây

336 ha, đậu 150 ha, lạc 274 ha, dược liệu 48 ha, đưa tổng diện tích làm hàng xuất khẩu tương đối ổn định trên 828 ha, tăng 15% so với năm 1986. Đồng thời quản lý 5.000 cây nhãn có giá trị xuất khẩu cao và phát động phong trào trồng cây tinh dầu ở các bờ nương, máng; dành diện tích cấy các giống lúa đặc sản: tám, nếp phục vụ chương trình xuất khẩu.

Bên cạnh những sản phẩm nông nghiệp tạo thành những mặt hàng xuất khẩu then chốt như: long nhãn, lạc vỏ, dược liệu, huyện đã mở rộng liên doanh liên kết với các địa phương khác để lấy nguyên liệu về tổ chức chế biến gia công hàng xuất khẩu. Duy trì nhiều mặt hàng truyền thống và phát triển nhiều mặt hàng mới như: khăn mặt, ren, hạt cườm đeo cổ, vòng ngà đeo tay... Nhờ đó tổng giá trị hàng xuất khẩu năm 1987 đạt 85 triệu đồng, tăng 23 triệu so với năm 1986. Nhiều mặt hàng tăng nhanh và ổn định, sản phẩm làm bằng đay được 61.000 chiếc, dưa 90.000 cái, màn trúc 130 m<sup>2</sup>, khoai tây 300 tấn, long nhãn 32,9 tấn. Năm 1988, tổng giá trị hàng xuất khẩu đạt 250 triệu đồng tăng gần gấp 3 lần năm 1987 vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Công tác xuất khẩu đã mở ra triển vọng bổ sung nguồn ngân sách địa phương, khai thác tiềm năng thế mạnh và tận dụng triệt để nguồn lao động, phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống.

Công tác xây dựng cơ bản và giao thông vận tải được phát triển cả chiều sâu và bề rộng từ huyện đến cơ sở. Trong tình hình huyện có nhiều khó khăn gay gắt về vật tư, vốn, song Đảng bộ chỉ đạo các ngành, các cấp khắc phục khó

khăn, huy động ngày công lao động của nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Trước hết là việc ưu tiên cho các công trình thủy lợi phục vụ trực tiếp nông nghiệp, các công trình thuộc kết cấu hạ tầng, những cơ sở phục vụ chính sách xã hội... bằng nguồn vốn của địa phương, đóng góp của nhân dân là chủ yếu kết hợp với sự hỗ trợ đầu tư của cấp trên. Điển hình là công trình bệnh viện đa khoa huyện; các nhà trẻ, bệnh xá, trường học, công trình giao thông nông thôn; trạm bơm trực đứng, trục xiên ở các cơ sở. Qua đó, năng lực vận tải được tăng cường nhất là vận tải cơ giới thủy bộ. Đến năm 1988, toàn huyện có trên 1.000 tấn phương tiện cơ giới thủy, đủ sức đảm nhiệm việc vận tải vật tư hàng hoá của huyện và một phần cho tỉnh. Phong trào giao thông nông thôn phát triển mạnh mẽ, có 12/27 xã làm tốt việc giải mặt đường cứng bằng đá, đổ nhựa, bê tông trên đường làng, ngõ xóm góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

Công tác tài chính thương nghiệp phân phối lưu thông được tổ chức và củng cố lại, thực hiện cơ chế quản lý mới có chuyển biến ban đầu trong nhiệm vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) ngày 9-4-1987, về việc giải quyết những vấn đề cấp bách trong phân phối, lưu thông. Ban Chấp hành Đảng bộ đã tổ chức quán triệt nghị quyết trong toàn huyện, đặc biệt đối với cán bộ quản lý và đảng viên. Trên cơ

sở nắm vững những quan điểm của Nghị quyết, các đơn vị đều xây dựng được chương trình hành động thiết thực cụ thể để tháo gỡ những vướng mắc, góp phần đẩy mạnh sản xuất, khắc phục khó khăn về đời sống, tạo sự chuyển biến về kinh tế- xã hội ở địa phương.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu của Nghị quyết, Đảng bộ chỉ đạo các cấp chính quyền đẩy mạnh các hình thức mở rộng giao lưu hàng hoá, tận dụng mọi khả năng để xuất khẩu; bố trí xem xét lại yêu cầu xây dựng cơ bản; cắt và giãn những công trình xây dựng chưa cần thiết; thực hành tiết kiệm chi tiêu trên mọi lĩnh vực, góp phần giảm bội chi ngân sách và lạm phát. Tăng cường quản lý thị trường, đẩy mạnh sản xuất, kiên quyết xử lý nghiêm minh bọn gian thương; mở rộng mạng lưới kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa nhằm giảm tốc độ tăng giá. Động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế gia đình, mở dịch vụ (đối với cán bộ công nhân viên chức), giao thêm đất cho xã viên (đối với người làm nông nghiệp). Các xí nghiệp, cơ quan, hợp tác xã phát huy quyền tự chủ kinh doanh, bằng mọi biện pháp để tăng thu nhập nâng cao đời sống, huyện tạo điều kiện cho vay vốn để mở rộng sản xuất và dịch vụ.

Cùng với nhịp độ phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hoá, xã hội luôn được Đảng bộ coi trọng, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động. Chương trình dân số - lao động- một trong bốn chương trình cơ bản của tỉnh Hà Nam Ninh trong nhiệm kỳ 1986-1990 có chuyển biến tốt, tác động tích cực đến

chiến lược con người. Ở Bình Lục, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm từ 1,83% (năm 1985) xuống 1,47% (năm 1988).

Trong 3 năm (1986-1988), tuy gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt, song huyện đã vận động và đưa hơn 1.000 nhân khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, hoạt động giáo dục của huyện có nhiều cố gắng, cơ bản giữ vững sĩ số học sinh, ổn định đội ngũ giáo viên, đảm bảo chất lượng dạy và học. Năm 1988, toàn huyện đã xây dựng mới 35 phòng học, sửa chữa 150 phòng, đóng mới 1.811 bộ bàn ghế, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Công tác y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân luôn giữ vững danh hiệu lá cờ đầu ngành Y tế tỉnh Hà Nam Ninh. Đảm bảo thường xuyên, có chất lượng các hoạt động: phòng bệnh, dập dịch, chữa bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, Đảng bộ chỉ đạo các ngành các cấp, các đoàn thể làm tốt công tác chính sách xã hội, đặc biệt chú trọng các gia đình thương binh liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, hưu trí, mất sức, phụ nữ, người già, trẻ em, nhà ở của cán bộ công nhân viên chức, đời sống gia đình của nhân dân có hoàn cảnh khó khăn.

Đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Nếp sống đô thị dần được hình thành khi thị trấn Bình Mỹ được thành lập (1987) từng bước xứng đáng là một trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác quốc phòng an ninh không ngừng được củng cố và giữ vững. Sau Đại hội Đảng bộ lần thứ 20, Huyện uỷ ra Nghị quyết chuyên đề về công tác quân sự. Lãnh đạo hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu tuyển quân, tổ chức xây dựng lực lượng quân sự địa phương, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng huyện thành đơn vị phòng thủ vững mạnh. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội. Thực hiện tốt các phong trào “Áo ấm chiến sỹ”, xây nhà tình nghĩa... Đảng bộ chủ trương kết hợp chặt chẽ công tác quân sự với an ninh trật tự, an toàn xã hội, giữa quốc phòng và kinh tế. Tình hình an ninh chính trị được đảm bảo tốt, nhất là những nơi trọng yếu.

Các cơ quan trong khối nội chính như công an, toà án, viện kiểm sát phối hợp làm tốt nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Những kết quả về phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng mà Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục đạt được trong những năm đầu bước vào công cuộc đổi mới là rất to lớn. Thể hiện sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ trong chỉ đạo khắc phục tình hình khó khăn về nhiều mặt, từng bước phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, hạn chế tình trạng lạm phát. Huyện đã thực hiện 4 chương trình kinh tế lớn của tỉnh Đảng bộ, đạt kết quả khá đó là lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; dân số và lao động. Đặc biệt là chương trình lương thực, thực phẩm đạt kết quả tốt.

Để có được những thành tích đó, ngoài những nguyên nhân khách quan như những thuận lợi về thời tiết thiên nhiên

còn có những nguyên nhân chủ quan căn bản như: Đảng bộ nhạy bén nắm bắt vận dụng sáng tạo các quan điểm đường lối đổi mới của Đảng, các Nghị quyết của cấp trên. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 20 đã xác định các chỉ tiêu kinh tế- xã hội đúng đắn, phù hợp với thực tế khả năng của huyện. Trong chỉ đạo cấp uỷ địa phương sâu sát, cụ thể, ra các Nghị quyết chuyên đề vừa có tính cấp bách, vừa có tính thuyết phục, phù hợp lòng dân. Điển hình là chuyên đề về thâm canh đưa độ đồng đều năng suất lúa. Vụ chiêm năm 1988 có 4 hợp tác xã đạt năng suất lúa trên 40 tạ/ha, chiếm 8,1% diện tích toàn huyện; có 21 hợp tác xã đạt năng suất từ 35-40 tạ, chiếm 51,6% diện tích. Kết quả đó khẳng định khả năng và tiềm năng to lớn của đồng chiêm, nếu Đảng bộ biết đầu tư và khai thác.

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ là sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của các đảng bộ cơ sở trong công tác cán bộ, công tác quản lý, phong cách chỉ đạo của người lãnh đạo và quản lý. Đảng bộ thường xuyên được sự lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh; sự giúp đỡ tận tình của các ngành ở Trung ương và tỉnh; sự nỗ lực phấn đấu, sự đoàn kết nhất trí của cán bộ và nhân dân trong huyện trong việc thực hiện cơ chế quản lý mới.

Nhằm tiếp tục triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và khắc phục hạn chế của Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông



ngiệp. Nghị quyết nêu rõ những nhiệm vụ trước mắt đối với nông nghiệp nước ta là: Sắp xếp lại tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hoá. củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị quốc doanh trong nông nghiệp. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Đảm bảo cho các hộ xã viên có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên.

Sau Nghị quyết của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh ra Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 6-9-1988 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Trước đó, ngày 10-8-1987, Huyện uỷ có Nghị quyết số 12 về hoàn thiện khoán sản phẩm; tháng 2/1988 Ban Thường vụ Huyện uỷ trực tiếp khảo sát ở 5 hợp tác xã và chính thức có Nghị quyết số 02, ngày 11-3-1988 về tiếp tục “cải tiến tổ chức sản xuất và công tác quản lý trong hợp tác xã nông nghiệp”.

Đến ngày 10-6-1988 (sau 3 tháng có Nghị quyết 02) đã có 45/48 HTX mở đại hội thông qua đề án khoán và kiện toàn bộ máy quản lý. Đại hội các HTX diễn ra thực sự sôi nổi, dân chủ và công khai. Công tác quản lý nông nghiệp của huyện có nhiều chuyển biến. Nghị quyết đã đi vào thực tiễn cuộc sống cho thấy rõ khả năng giải phóng được sức sản xuất kể cả ruộng đất- lao động và tư liệu sản xuất khác. Nông dân đồng tình, thực sự thiết tha gắn bó với đồng ruộng và hăng say sản xuất, tình trạng khô đọng sản phẩm giảm đi.

Diện tích: ruộng đất, ao hồ, mặt nước thả cá đã giao khoán, khoán đầu trâu, đầu trâu tới từng hộ xã viên... chấm dứt tình trạng trả ruộng và bỏ ruộng, hoàn thành giao nộp sản phẩm, thu hồi nợ cũ.

Trâu bò, công cụ của hợp tác xã được hoá giá 100% cho xã viên, thu hồi vốn cho HTX. Xã viên bảo quản tốt và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất. HTX quản lý sử dụng các dịch vụ có hiệu quả hơn.

Nhờ có “khoán 10” công tác thu chiếm và giao nộp sản phẩm năm 1988 thực hiện nhanh gọn, đảm bảo tiến độ làm đất và diện tích gieo cấy.

Trong thực hiện khoán mới, các HTX đã chủ động tăng cường các liên doanh liên kết để giải quyết vật tư cung ứng hoặc ứng trước cho xã viên theo giá rẻ hơn thị trường, không thụ động ngồi chờ Nhà nước cung cấp. HTX Mỹ Thọ, La Sơn vốn khó khăn nhờ liên kết đã đưa về 30-50 tấn đạm, hàng trăm tấn lân cung ứng và ứng trước cho xã viên. HTX Ngô Khê liên kết và dịch vụ cả đầu vào, đầu ra (mía, dưa chuột, kén tầm) đảm bảo đủ phân khoáng cung ứng cho xã viên còn hỗ trợ đơn vị bạn.

Do đổi mới nhận thức, lấy hiệu quả là mục đích của sản xuất; do người lao động được chủ động cả quá trình sản xuất và sản phẩm làm ra nên các hộ gia đình xã viên đã huy động các nguồn vốn của mình, với sự hỗ trợ một phần của HTX tậu thêm hàng ngàn trâu bò, máy tuốt lúa, bình phun thuốc trừ sâu. Xã viên HTX Bình Lý tậu thêm 150 trâu bò, HTX

Ngô Khê 100% số hộ có bình phun thuốc trừ sâu. HTX Trịnh Xá đã có 1 hộ sắm máy Bông Sen với nhiều chức năng sử dụng và làm dịch vụ sản xuất... Các công cụ lao động, trâu bò đều được chăm sóc, bảo quản và sử dụng có hiệu quả.

Quy mô HTX ổn định, phù hợp, tổ chức bộ máy quản lý được giảm nhẹ và có hiệu lực. 45/48 HTX đã tổ chức đại hội xã viên và khẳng định quy mô HTX như hiện tại phù hợp với trình độ quản lý, yêu cầu về tập trung vốn cho kinh doanh phù hợp với hình thức điều hành của khoán mới. Quy mô đội phổ biến trên dưới 100 mẫu canh tác theo thôn làng là phù hợp với thực tế. Đại hội xã viên và việc kiện toàn bộ máy quản lý theo Nghị quyết 2 đã thể hiện một bước quan trọng trong đổi mới dân chủ, công khai trong việc lựa chọn bộ máy quản lý và quyết định phương án sản xuất kinh doanh. Tổng số cán bộ quản lý là 717 người, giảm 55,9% so với trước. Thay đổi 12 chủ nhiệm, 7 kế toán trưởng; độ tuổi dưới 40 chiếm 58,85%. 15 chủ nhiệm có trình độ trung và đại học; số cán bộ chuyên môn có trình độ trung, đại học chiếm 20%. Số đội sản xuất giảm, từ 461 đội còn 319 đội. Việc bố trí kiêm nhiệm lồng ghép giữa cán bộ xã và hợp tác xã đã tiến hành ở một số xã, do công việc mới nên nói chung còn lúng túng trong cách tiến hành cụ thể.

Các HTX đều dành 40-55% đất giao cho nhu cầu cơ bản, mức giao bình quân cho một khẩu phổ biến từ 1-1,5 sào. Dành 40-50% giao bình quân cho lao động sau khi đã phân loại hộ và loại trừ lao động của hộ không có khả năng sản xuất hoặc

động nhiều sản phẩm. Việc thực hiện khoán thầu và đấu thầu ao hồ thả cá ở Bình Lý... một số HTX cho khoán thầu và đấu thầu diện tích xa, xấu, trũng, cớm, vốn chỉ cấy 1 vụ (La Sơn 61 mẫu, Mỹ Thọ 200 mẫu...) xã viên nhận đấu thầu đã sử dụng những hình thức sản xuất có hiệu quả như công thức lúa-cá-cây. Các mô hình tổ chức sản xuất - quản lý bước đầu đem lại hiệu quả.

Về tổ chức hoạt động các dịch vụ sản xuất: Tuy hình thức và nhận thức còn khác nhau, các HTX đã sắp xếp lại bước đầu định hình được cơ chế điều hành, 100% số HTX đã hình thành các dịch vụ bắt buộc: Thủy nông, bảo vệ sản xuất, bảo vệ thực vật... đi vào hạch toán và thực hiện hợp đồng trách nhiệm. Các dịch vụ mang tính thoả thuận như dịch vụ vật tư đã góp phần quan trọng giải quyết khó khăn do vật tư Nhà nước cung cấp không đủ, đảm bảo được yêu cầu của sản xuất. Các HTX La Sơn, Mỹ Thọ... đã liên kết và cung ứng cho xã viên từ 3-3,5 kg urê/sào; 10 - 15 kg phân lân/sào... Mô hình sản xuất và cung ứng giống mới của HTX Mai Lương, Bình Lý với phương thức “Chọn giống, chọn hộ, định vùng sản xuất, định giá đầu ra” có kết quả.

Kết quả bước đầu của việc thực hiện khoán 10 đã làm cho sản xuất nông nghiệp- ngành kinh tế chủ đạo của huyện có nhiều khởi sắc, đời sống người nông dân được cải thiện rõ nét.

Đi đôi với việc chỉ đạo đổi mới phát triển kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ chủ trương đổi mới

công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, coi đây là then chốt quyết định mọi thắng lợi.

Về mặt tư tưởng: hầu hết cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thấy rõ tính tất yếu của đường lối đổi mới, phát triển kinh tế-xã hội của Đảng. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện các Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng vững mạnh. Phát huy tính chủ động sáng tạo, tự lực xóa bỏ cơ chế hành chính quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế quản lý mới, khắc phục dần tính bảo thủ trì trệ trong tổ chức và hành động, góp phần đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, bất cập.

Đảng bộ luôn coi trọng việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, theo cơ chế quản lý mới. Xóa bỏ tổ chức đảng bộ bộ phận HTX, đảng bộ khối cơ quan, tổ chức thành các đảng bộ, chi bộ trực thuộc đảng uỷ và Huyện uỷ. Qua kiểm tra phân loại có 44,6% đảng bộ khá, 48% đảng bộ xã và thị trấn đạt vững mạnh, 40% chi bộ vững mạnh, 40,6% chi bộ khá. Công tác bồi dưỡng, đề bạt, quy hoạch cán bộ luôn được quan tâm. Bình quân hai năm 1987-1988 so với hai năm 1985-1986, số cán bộ được đi học trường tỉnh và huyện tăng 54,8%. Đề bạt cấp trưởng tăng 33%, số cán bộ được quy hoạch dự bị tăng 23,4%.

Đội ngũ đảng viên được tăng cả về chất và số lượng. Hai năm qua số lượng đảng viên tăng 3,2% so với hai năm trước. Chất lượng đảng viên loại A bằng 66,7% tăng 16,2%, loại C

còn 2,9% giảm 5,4%. Toàn Đảng bộ kết nạp được 52 đảng viên mới. Đồng thời cũng xử lý kỷ luật 213 trường hợp, trong đó khai trừ 42 đảng viên ra khỏi đảng.

Trường đảng huyện đã chuyển hướng hoạt động, mở lớp tại cơ sở cho đảng viên có điều kiện theo học. Công tác sưu tầm biên soạn Lịch sử Đảng được tiến hành ở hầu hết các Đảng bộ.

Trong hai năm (1987-1988), công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức có những chuyển biến rõ, đó là kết quả của sự chuyển biến bước đầu về đổi mới tư duy cả nhận thức và hành động từ Huyện uỷ đến cơ sở. Là sự đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng gắn công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và với phong trào cách mạng của quần chúng, sát thực tiễn, thường xuyên nhạy bén, sáng tạo, phát huy được truyền thống đoàn kết, tinh thần cách mạng tiến công hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng còn chuyển biến chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, phong trào chưa đều, thiếu vững chắc. Số đảng bộ vững mạnh hai năm 1987-1988 giảm so với 1985-1986 là 5,8% (từ 53,6% xuống 47,8%), 7,6% đảng bộ yếu, 1,5% chi bộ kém. Một số cơ sở Đảng chưa thực sự là hạt nhân lãnh đạo, số đảng viên đông nhưng chưa mạnh. Công tác phát triển Đảng yếu. Số đảng viên mới kết nạp chỉ bằng 0,74% đảng viên trong Đảng bộ.

Các đoàn thể quần chúng đã chuyển đổi phương thức hoạt động, động viên quần chúng tham gia thực hiện nhiệm vụ, nghĩa vụ và chấp hành chính sách và pháp luật. Hưởng ứng tích cực các phong trào thi đua như: Khoán mới trong nông nghiệp, làm kinh tế gia đình VAC, sinh đẻ có kế hoạch, mua công trái xây dựng đất nước, thực hiện tiết kiệm, tổ chức đời sống...

Bộ máy chính quyền từ huyện đến xã được củng cố kiện toàn, tinh giảm. Đổi mới phương pháp công tác và lề lối làm việc. Nâng cao hiệu lực điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã và thị trấn.

Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ, nhân dân huyện Bình Lục có nhiều cố gắng nỗ lực phấn đấu chuyển hướng các mặt hoạt động. Thực hiện 4 chương trình kinh tế-xã hội theo nghị quyết của tỉnh Đảng bộ đề ra đạt kết quả đáng kể. Nhiều nhân tố mới, điển hình mới xuất hiện, chuyển biến về công tác xuất khẩu được liệu, trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng. Cơ sở vật chất kỹ thuật, giao thông vận tải được tăng cường, đặc biệt là giao thông nông thôn, vận tải thủy, công trình thủy lợi, công trình phúc lợi xã hội được phát triển. Phong trào y tế vẫn được giữ vững, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, công tác tài chính- lưu thông phân phối đang có chuyển biến theo hướng phục vụ nhu cầu sản xuất - đời sống. Do kiên quyết

xoá bỏ bao cấp, phát huy tính chủ động, tự lực, nên mặc dù có khó khăn gay gắt Đảng bộ vẫn tự lo, tự cân đối để đảm bảo ổn định đời sống cán bộ công nhân viên chức. Khối kinh tế quốc doanh, xã viên các HTX và đời sống nhân dân nói chung trong huyện đã góp phần cùng tỉnh giải quyết những khó khăn chung về lương thực. Huyện đã hoàn thành mọi nghĩa vụ với Nhà nước, đồng thời còn tạo những tiền đề vật chất cho công cuộc đổi mới, thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Từ ngày 14 đến ngày 15-1-1989, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bình Lục lần thứ 21 được tiến hành. Dự Đại hội có 222 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 7.000 đảng viên từ 74 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ, khẳng định những thành tựu đạt được trên từng lĩnh vực kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đồng thời Đại hội cũng nêu lên những yếu kém khuyết điểm trên nhiều mặt công tác, nhận rõ điểm yếu là chưa xây dựng Đảng bộ thành một Đảng bộ vững mạnh. Đại hội cũng tìm ra những nguyên nhân thành công và chưa thành công của nhiệm kỳ qua, từ đó đề ra các biện pháp khắc phục đưa Đảng bộ tiến lên trong nhiệm kỳ tới.

Về phương hướng mục tiêu nhiệm vụ 2 năm 1989-1990, Đại hội xác định: Tình hình kinh tế- xã hội đất nước đang chuyển biến, song vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khó khăn.



Trách nhiệm của Đảng bộ là tiếp tục quán triệt, vận dụng các nghị quyết của Đảng, của tỉnh vào đặc điểm tình hình kinh tế- xã hội của huyện nhằm phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết thống nhất ý chí và hành động cách mạng, mạnh dạn đổi mới, giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác mọi khả năng đất đai lao động, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, mở rộng liên kết, liên doanh tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá. Trước hết tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, phá thế độc canh lúa, thực hiện thâm canh đồng đều, đi đôi với việc mở rộng diện tích. Trọng tâm là sản xuất lương thực, nguyên liệu công nghiệp, nông sản xuất khẩu. Đồng thời phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu dược liệu, thủ công mỹ nghệ, tăng nhanh nguồn tích lũy, từng bước chủ động cân đối ngân sách huyện. Đảm bảo phòng thủ quân sự vững chắc, giữ vững trật tự trị an, an toàn xã hội. Hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với Nhà nước, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Phấn đấu xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh.

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ khoá 21 gồm 37 đồng chí. Đồng chí Bùi Xuân Hoà được bầu làm Bí thư. Sau đó đồng chí Lê Trọng Thi làm Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Bùi Xuân Hoà.

Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, huyện Bình Lục bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 21 trong điều kiện tình hình quốc tế có nhiều biến

động lớn. Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng nhất từ trước tới nay. Cuộc khủng hoảng này tác động tiêu cực tới phong trào cách mạng thế giới. Các thế lực đế quốc và phản động triệt để khai thác những khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để tăng cường can thiệp, phá hoại, thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Tình hình trong nước có nhiều khó khăn, nhiều vấn đề mới nảy sinh, tác động mạnh mẽ, sâu sắc tư tưởng, tình cảm, trên mọi lĩnh vực hoạt động về đời sống sản xuất của nhân dân. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, các nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ 4, Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết thống nhất, năng động sáng tạo, phấn đấu giành thắng lợi quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị Đại hội Đảng bộ lần thứ 21 đề ra. Tập trung chủ yếu vào 4 chương trình kinh tế - xã hội: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, dân số và lao động.

Sản xuất nông nghiệp đã đạt được những thành tích mới về cả diện tích, năng suất và sản lượng. Sản lượng lương thực qui thóc bình quân 2 năm 1989 - 1990 đạt 72.722 tấn vượt mục tiêu Đại hội đề ra 6,9%, tăng 19% so với bình quân 2 năm 1987 - 1988. Diện tích gieo cấy lúa đạt 101,6% kế hoạch. Năng suất bình quân đạt 32 tạ/ha/vụ. Cây công nghiệp được khôi phục một bước, diện tích đỗ tương, đay tăng trên

16%. Sản xuất cây màu vụ đông đã tạo thành tập quán và đi vào ý thức tự giác của quần chúng. Tỷ trọng màu chiếm 5,6% tổng sản lượng lương thực. Một số xã có phong trào làm màu tốt như: An Đổ, Mỹ Thuận, Trung Lương... Bình quân lương thực sản xuất theo đầu người đạt 416,5kg, tăng 1,04% so với kế hoạch đề ra. Trong nông thôn xuất hiện một số hộ nông dân ngoài việc thâm canh lúa còn làm giàu bằng kinh tế VAC và nghề truyền thống của mình. Đảng bộ có kế hoạch áp dụng những mô hình làm kinh tế giỏi nhân điển hình trên phạm vi toàn huyện.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển. Đàn trâu bò tăng nhanh từ 22-24% một năm. Đàn lợn, nhất là lợn lai tăng đáng kể. Sản lượng thịt lợn hơi tăng 9%, góp phần cải thiện một bước đời sống nhân dân.

Kết quả của chương trình lương thực thực phẩm giúp cho huyện hàng năm hoàn thành nghĩa vụ huy động lương thực với Nhà nước. Một bộ phận nông dân đã có lương thực dự trữ, đời sống nhân dân tương đối ổn định, bình quân lương thực đầu người 17,2 kg/tháng.

Có được những kết quả khả quan trong sản xuất nông nghiệp, bên cạnh thời tiết thuận lợi là sự nỗ lực của Đảng bộ trong việc chỉ đạo nông dân tập trung sức lực, vật tư, tiền vốn đẩy mạnh công tác thủy lợi, thâm canh; mạnh dạn thay đổi cơ cấu giống, mùa vụ, đưa nhiều cây trồng, con nuôi có năng suất và giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Công tác quản lý điều hành của các HTX nông nghiệp được chấn chỉnh đi dần vào nề nếp. Quy mô HTX nói chung ổn định, bộ máy quản lý và

các ban chuyên môn giúp việc HTX giảm nhẹ. Tỷ lệ các quỹ trong phân phối của HTX tương đối phù hợp với khả năng tăng năng suất của xã viên, thu nhập của xã viên từng bước tăng lên, xã viên phấn khởi sản xuất.

Tuy nhiên, Đảng bộ chưa làm tốt việc khai thác triệt để tiềm năng lao động, đất đai của huyện. Sản xuất nông nghiệp chưa đồng đều, phần nào còn thiếu vững chắc. Nhiều HTX sản xuất vẫn mang tính độc canh, tự cấp, tự túc, ít có sản phẩm hàng hoá. Một số ít HTX còn buông lỏng quản lý điều hành sản xuất. Điều chỉnh ruộng đất không đúng tinh thần Nghị quyết 10, để tình trạng lấn chiếm đất đai, thất thoát vốn quỹ, kê đọng sản phẩm kéo dài. Các cây công nghiệp như: mía, đay, lạc, cây vù đong không phát triển rộng, chỉ tập trung ở một số HTX có kinh nghiệm và truyền thống sản xuất.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn lệ thuộc và bị động nên sản xuất giảm sút, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân 2 năm 1989 - 1990 chỉ đạt 2,5 tỷ = 76,6% kế hoạch. Một số đơn vị quốc doanh và tập thể thua lỗ, thất thoát vốn, người lao động thiếu việc làm. Một số HTX tiểu thủ công nghiệp không tìm được mặt hàng làm gia công, tự thu hẹp lại hoặc chuyển hướng sở hữu, có nơi đề nghị giải thể.

Trong khó khăn chung, do năng động sáng tạo vẫn có một số đơn vị vận dụng tốt Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, bước đầu có chuyển biến mới, phát huy tính tự chủ

trong sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, duy trì được sản xuất, đảm bảo ổn định đời sống người lao động và nộp ngân sách cho Nhà nước. Một số mặt hàng thêu, ren, chế biến gỗ, của tư nhân được giữ vững và phát triển. Công cụ thông thường phục vụ cho sản xuất phát triển mạnh đáp ứng kịp thời tại chỗ cho người lao động. Người lao động chú ý hơn đến năng suất, chất lượng và hiệu quả sản phẩm, từng bước xoá bỏ tính ỷ nại bao cấp trong sản xuất kinh doanh. Một số doanh nghiệp điển hình làm ăn tốt như: Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng huyện, Xí nghiệp được, Xí nghiệp 27/7, Xí nghiệp Tiến Thành, Công ty vật tư nông nghiệp.

Chương trình hàng xuất khẩu có nhiều cố gắng trong việc thu mua, khai thác, nắm nguồn hàng. Tiềm năng sản xuất hàng thêu, ren, thảm đay, sừng kỹ nghệ tương đối khá. Mặt hàng mới như nấm mỡ được triển khai sản xuất (dưới hình thức tư nhân và tập thể). Mặt hàng dũa, cửa An Đổ tuy chưa tìm được nơi xuất khẩu, song vẫn duy trì sản xuất và tiêu thụ trong nước. Chính những mặt hàng thủ công trên đã góp phần tích cực vào việc tận dụng sức lao động nông nhàn trong nông dân, góp phần giải quyết khó khăn cho nhiều hộ gia đình trong lúc giáp hạt.

Đảng bộ có nhiều quyết sách chỉ đạo chương trình dân số và lao động. Các cấp, các ngành tập trung giải quyết 2 nhiệm vụ trọng tâm là vận động sinh đẻ kế hoạch và đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nỗ lực, song việc hạn chế gia tăng dân số vẫn gặp nhiều khó

khăn. Bên cạnh nhiều cặp vợ chồng tự nguyện sinh từ 1-2 con vẫn còn nhiều cặp vợ chồng, thậm chí cả cán bộ đảng viên vẫn sinh con thứ 3. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hai năm 1989-1990 còn cao (1,88%) tăng hơn hai năm trước 0,26% chưa đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ 21 đề ra.

Việc đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới cũng gặp khó khăn không kém. Huyện uỷ đã ra Nghị quyết về công tác vận động nhân dân đi vùng kinh tế mới. Nhưng do thiếu địa bàn, thiếu kinh phí nên toàn huyện mới đưa được 43 hộ với 180 khẩu đi Quảng Ninh, Côn Thoi, Ba Sao.

Công tác phân phối lưu thông có nhiều bất cập, lúng túng về phương thức kinh doanh trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang thực hiện cơ chế thị trường. Trước khó khăn đó, các ngành phân phối lưu thông, dịch vụ trong huyện đã kịp thời chuyển đổi phương thức hoạt động, quyên góp cổ phần để tăng vốn, sắp xếp lại tổ chức, lao động, khoán định mức cho từng bộ phận và nhân viên đáp ứng được nhu cầu vật tư, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện. Tinh thần thái độ phục vụ văn minh thương nghiệp có chuyển biến tiến bộ hơn trước.

Công tác tài chính có nhiều cố gắng, năng động vượt qua những khó khăn gay gắt về nguồn thu, củng cố tổ chức bộ máy chi cục thuế tranh thủ tận dụng các nguồn thu, triệt để tiết kiệm chi trong điều kiện nguồn thu trên địa bàn huyện hết sức gay gắt, song vẫn cố gắng đảm bảo cân đối thu chi ngân sách, giải quyết được lương cho cán bộ công nhân viên,

cho các đối tượng chính sách và nhu cầu hoạt động của các cấp, các ngành.

Ngành ngân hàng tập trung đầu tư vốn cho sản xuất kinh doanh cho khu vực quốc doanh 14,8 tỷ đồng, khu vực tập thể 3,7 tỷ, khu vực cá thể 3,2 tỷ, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp 979 triệu đồng để duy trì và phát triển sản xuất. Duy trì tốt công tác gửi tiền tiết kiệm, số dư đến 30-9-1990 là 1,4 tỷ đồng. Kho bạc được thành lập mới, bước đầu đi vào hoạt động nề nếp đáp ứng được tiền mặt cho các nhu cầu chi.

Ngành lương thực sau khi được chấn chỉnh, sắp xếp lại cán bộ chủ chốt, bước đầu hoạt động kinh doanh, phục vụ có hiệu quả.

Công tác xây dựng cơ bản và giao thông vận tải phát triển tương đối đồng đều, sâu rộng, đổi mới rõ nét về định hướng đầu tư, góp phần tích cực củng cố, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Các công trình kết cấu hạ tầng, công trình thủy lợi, giao thông... được đầu tư đúng mức: như công trình bệnh viện huyện, trạm xá, nhà trẻ, trường học, đường giao thông, nhà tình nghĩa, nghĩa trang liệt sĩ, cầu cống, trạm bơm..., giá trị các công trình hàng tỷ đồng. Nguồn vốn chủ yếu do nhân dân đóng góp. Đến năm 1990, toàn huyện đã có 14/28 xã chủ động về công tác tưới tiêu, 24/28 xã rải cứng mặt đường liên thôn, liên xã. Tổng số chiều dài đường đã nâng cấp của huyện và xã 235 km. Toàn bộ các xã trong huyện đã có điện dân dụng. Những kết quả đó đã góp phần làm thay đổi bộ mặt quê hương Bình Lục.

Công tác văn hoá xã hội được tập trung chỉ đạo hơn trước. Hoạt động văn hoá thông tin, giáo dục, y tế tiếp tục được duy trì củng cố đi vào chiều sâu, từng bước được nâng cao chất lượng và có mặt phát triển. Đã tranh thủ và sử dụng tốt nguồn viện trợ của các ngành, các cấp và quốc tế để tạo điều kiện nâng cao phúc lợi, cải thiện một bước đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Về giải quyết chính sách xã hội, Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành các cấp thực hiện nghiêm túc các chính sách xã hội mà Đảng và Nhà nước ban hành. Nét nổi bật trong 2 năm 1989-1990 là huyện và cơ sở đã đầu tư đúng mức vào việc hỗ trợ kinh tế cho một số gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, già cả neo đơn quá khó khăn. Xây dựng được những công trình mang tính giáo dục truyền thống cách mạng, biểu hiện lòng biết ơn với những người có công với nước như: Xây dựng nhà tình nghĩa, nghĩa trang liệt sĩ, tu sửa đình Triều Hội trên quê hương Bồ Đề lịch sử, xây dựng bia lưu niệm Bác Hồ về thăm nhân dân Bình Lục đập đập ngăn sông lấy nước chống hạn tại Cát Tường-An Mỹ.

Đời sống của nhân dân tuy còn khó khăn, nhưng nhìn chung về dân trí được nâng lên, một bộ phận cán bộ nhân dân làm kinh tế giỏi, có dự trữ. 70% gia đình có nhà xây, đồ dùng trang bị trong gia đình ở một số địa phương khá hơn trước.

Hai năm 1989-1990 bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, có nhiều tác động tiêu cực, nhưng